

Số: 15/2014/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 7 năm 2014



NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 về việc ban hành Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Mức chi tại Nghị quyết này là mức chi tối đa, căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định mức chi cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 3. Các quy định tại Nghị quyết này thay thế các quy định về nội dung chi, mức chi, lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII Quy định nội dung và mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Đối với các quy định về nội dung chi, mức chi phục vụ cho công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

khóa XVII và Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp Hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đến khi có văn bản thay thế.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang

Nguyễn Sáng Vang



Một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
a	Xây dựng đề cương					
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.200	900	700	
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	2.000	1.600	1.200	
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	- Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	3.000	2.400	1.900	
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500	400	300	
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
	- Chủ trì	Người/buổi	200	160	130	
	- Thành viên dự	Người/buổi	100	80	60	
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia					
		Văn bản	500	400	320	
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	160	130	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	120	100	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	80	60	
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	240	200	
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	160	130	
e	Lấy ý kiến thăm định	Bài viết	500	400	320	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch.
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	500	400	320	
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật					
a	Thù lao báo cáo viên cấp Trung ương, cấp tỉnh	Người/buổi				Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiểu mục 1.1 mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC.
b	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi		300	200	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
c	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi				Tùy theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại điểm a, b của mục này
d	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a,b,c mục này			
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù					
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1.000	800	600	
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	300	240	200	
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.500	1.200	1.000	
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	5.000	4.000	3.200	
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt					
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày			30	Không quá 1 ngày

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi			10	
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường					
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài).	Ngày	Tối đa 250% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.		
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Tối đa 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính			
6	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi					
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác					Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:					
	- Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	2.000	1.500	1.000	
	- Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	10.000	5.000	3.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	- Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	240	200	
	- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)					Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính
c	Chi giải thưởng					
	- Giải nhất	Giải thưởng				
	+ Tập thể		10.000	7.000	5.000	
	+ Cá nhân		6.000	4.000	3.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng				
	+ Tập thể		7.000	5.000	3.500	
	+ Cá nhân		3.000	2.000	1.500	
	- Giải ba	Giải thưởng				
	+ Tập thể		5.000	3.500	2.500	
	+ Cá nhân		2.000	1.500	1.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng				
	+ Tập thể		3.000	2.000	1.500	
	+ Cá nhân		1.000	700	500	
	- Giải phụ khác		500	400	300	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
7	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở					
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang			75	Tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh					
	- Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần			15	
	- Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần			20	
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật					
a	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Tủ/năm			2.000	Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
b	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần			100	
c	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người			50	
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật					
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo	50	50		
b	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	50	50	50	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
c	Viết báo cáo:					
	- Báo cáo định kỳ hàng năm	Báo cáo	3.000	2.000	1.000	
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	3.000	2.000	1.000	
	- Báo cáo đột xuất	Báo cáo	1.000	700	500	
10	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã, phường); huyện, thành phố đạt chuẩn, tiêu biểu về tiếp cận pháp luật					
a	Khen thưởng xã, phường; huyện, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Trang đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở			Áp dụng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
b	Khen thưởng xã, phường tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8**